TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HS-ST
Ngày 27- 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Hoàng Minh Tuấn

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Ông Bùi Văn Tám

2/ Ông Đoàn Văn Đoan

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Vũ Văn Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- ***Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà***: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2018/HS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXHS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

1/ Bùi Duy P (tên gọi khác Bùi Văn P), sinh ngày 10/6/1969; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B (tức Bùi Duy B) và bà Đặng Thị NH; có vợ là chị Đặng Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/3/2018 cho đến nay (có mặt).

Về nhân thân: Ngày 15/9/1993 bị Công an huyện Vĩnh Lạc khởi tố bị can về tội "Buôn bán, tàng trữ vũ khí quân dụng trái phép".

Ngày 15/09/1997, bị Công an huyện Yên Lạc xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi "Cố ý gây thương tích".

2/ Trương Quang N, sinh ngày 25/10/1946; nơi cư trú: Thôn V, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 05/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Trọng S và bà Cao Thị K; có vợ là bà Nguyễn Thị L và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/3/2018 cho đến ngày 06/4/2018 được tại ngoại (có mặt).

Về nhân thân: Tại Bản án số 87/1999/HSST ngày 29/05/1999, Trương Quang N bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc".

Người bào chữa cho bị cáo Trương Quang N là: Ông Lê Văn Duy, sinh năm 1979- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đặng Thị T, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn 7 N, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Chị Trương Thị M, sinh năm 1989(vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T 1, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

Người làm chứng:

Anh Nguyễn V, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08h ngày 28/03/2018, P nhận được điện thoại của Trương Quang N hỏi mua 01 gói ma túy (Heroin) với giá 500.000đ. Khoảng 30 phút sau, N một mình điều khiển xe môtô đến nhà P, tại đây P đã bán cho N 01 gói ma túy với giá 500.000đ. Mua bán xong N nhờ P chia gói ma túy đó ra thành 02 phần để dễ sử dụng rồi ra về. Trên đường đi đến khu vực đường đê Trung ương thuộc thôn N 3, xã L, huyện Y thì N bị Tổ Công tác của Công an huyện Yên Lạc bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và thu giữ toàn bộ vật chứng có liên quan. Cụ thể: Thu 02 gói nhỏ bên ngoài bọc nilon màu hồng trong cùng chứa chất bột màu trắng ở túi áo ngực bên trái của N (N khai là ma túy vừa mua được của Bùi Duy P để sử dụng), niêm phong trong phong bì ký hiệu A1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 xe môtô BKS 88L1-0597.

Căn cứ lời khai của N về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ cùng các tài liệu xác minh, cùng ngày Cơ quan CSĐT- Công an huyện Yên Lạc tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở, phương tiện của Bùi Duy P. Kết quả thu giữ: dưới tấm thảm trải sàn ghế lái xe ôtô BKS 88K-5398 của P 03 gói nhỏ bên ngoài được bọc nilon màu trắng trong cùng chứa chất bột dạng cục màu trắng, niêm phong trong phong bì ký hiệu P1; tại túi áo Vest màu nâu treo tại tủ gỗ trong phòng ngủ tầng hai nhà P 05 gói nhỏ bên ngoài bọc bằng nilon màu đen trong cùng chứa chất bột dạng cục màu trắng, niêm phong trong phong bì ký hiệu P2 (P khai đây đều là ma túy); 4.075.000đ tiền mặt; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng và 01 xe ô tô BKS: 88K-5398 loại Lacetti CDX, màu sơn

đen; 01 ví da màu nâu và 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Bùi Duy P.

Tại Văn bản số: 422/KLGĐ ngày 31/03/2018 và Văn bản số 423/KLGĐ ngày 01/04/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: "Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng (trọng lượng) 0,3962gam, loại Heroin; chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu P1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng (trọng lượng) 0,2662gam, loại Heroin; chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu P2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng (trọng lượng) 0,6704gam, loại Heroin.

Quá trình điều tra Bùi Duy P khai nhận: Bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, khoảng 15h ngày 27/03/2018 bị cáo P đi xe ôm từ nhà đến đoạn đường gần khách sạn S thuộc phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời. Tại đây, P gặp và mua được của một người đàn ông tên là A 01 gói ma túy (Heroine) với giá 1.000.000đ. P mang về nhà chia ra làm 10 phần, P sử dụng hết 01 phần, còn lại 09 phần đem cất giấu nhằm mục đích sử dụng cho bản thân và có ai hỏi mua thì bán. Do bị cáo không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể của người đàn ông tên A nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Xe ôtô BKS: 88K-5398 quá trình điều tra đủ căn cứ xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Đặng Thị T cho P mượn. Chiếc xe mô tô BKS: 88L1-0597 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Trương Thị M cho N mượn. Khi mượn xe P và N đều không nói để cất giấu cũng như làm phương tiện đi mua ma túy, do đó ngày 15/05/2018, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp.

Vật chứng còn lại của vụ án là: Các mẫu vật ký hiệu A1 = 0,2461g; P1 = 0,1235g, P2 = 0,4311g do cơ quan giám định hoàn lại; 02 điện thoại di động; 4.075.000đ thu giữ của P, trong đó có 500.000đồng là tiền bị cáo có được do bán trái phép chất ma túy mà có; 01 chiếc ví da màu nâu, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe ô tô đều mang tên Bùi Duy P.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 35/CT- VKS ngày 31/5/2018, Viện kiểm sát nhân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Bùi Văn P về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Trương Quang N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Bùi Văn P và Trương Quang N. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều

51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Văn P từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm o, s, x khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trương Quang N từ 07 tháng đến 10 tháng tù.

Lời bào chữa của luật sư đối với bị cáo Trương Quang N: Đồng ý về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo N, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo thời điểm phạm tội bị cáo N đã trên 70 tuổi, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huân chương. Đề nghị cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Yên Lạc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 08h30 phút ngày 28/03/2018, trong khi làm nhiệm vụ tại thôn N 3, xã L, Tổ công tác của Công an huyện Yên Lạc bắt quả tang Trương Quang N đang có hành vi tàng trữ trái phép chất 0,3962g Heroine. Quá trình điều tra N khai nhận mua được của Bùi Duy P ở thôn 7 N, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 500.000đ để sử dụng cho bản thân. Khám xét khẩn cấp nơi ở, phương tiện của P còn thu giữ được 08 gói Heroine có tổng trọng lượng bằng 0,9366gam P khai cất giấu để sử dụng và bán kiếm lời.

[3]. Xét thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Bùi Văn P phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Trương Quang N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma tuý, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm".

Điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều luật quy định:*"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy....thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

c) Heroine.....có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 0,5gam".

[3]. Xét tính chất vụ án nghiêm trọng hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Văn P và Trương Quang N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý, thể hiện các bị cáo có ý thức coi thường pháp luật. Do đó cần xử phạt nghiêm, áp dụng hình phạt tù nhằm mục đích giáo dục riêng bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Bùi Duy P và Trương Quang N thấy rằng: Bị cáo P đã từng bị khởi tố về tội "Buôn bán, tàng trữ vũ khí quân dụng trái phép". Ngày 15/09/1997, bị Công an huyện Yên Lạc xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000đồng về hành vi "Cố ý gây thương tích". Bị cáo Trương Quang N đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc" tại Bản án số 87/1999/HSST ngày 29/05/1999.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo N khi phạm tội đã trên 70 tuổi, bản thân là người có công với cách mạng, bố mẹ đẻ bị cáo P đều được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do vậy, bị cáo Bùi Duy P được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Trương Quang N được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4]. Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo P khai mua của người đàn ông tên A ở đoạn đường gần khách sạn S thuộc phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc về để sử dụng và bán kiếm lời. Do bị cáo P không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể của người đàn ông tên A nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định " Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.". Xét thấy, bị cáo Bùi Duy P có nghề nghiệp làm tự do, thu nhập không ổn định, trọng lượng ma túy bị cáo bán cho N không lớn, bản thân

bị cáo P đang bị tạm giam. Do vậy, không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Duy P là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định " Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.". Xét thấy, bị cáo Trương Quang N có nghề nghiệp làm ruộng, thu nhập không ổn định, trọng lượng ma túy bị cáo tàng trữ không lớn, bản thân bị cáo N đã già yếu. Do vậy, không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trương Quang N là phù hợp.

[6]. Về xử lý vật chứng: Cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 500.000đ do bị cáo P bán ma túy cho N mà có và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng của bị cáo P; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo N; trả lại cho bị cáo Bùi Văn P 3.575.000 đồng; 01 ví da màu nâu và 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe ô tô đều mang tên Bùi Duy P. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói niêm phong mẫu vật ký hiệu A1, P1, P2 do Cơ quan giám định hoàn lại vì không có giá trị sử dụng. Các vật chứng khác Cơ quan điều tra đã xử lý trong quá trình giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo Bùi Duy P phải chịu theo quy định của pháp luật. Bị cáo Trương Quang N đã trên 70 tuổi và là người có công nên không phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Bùi Duy P (tên gọi khác Bùi Văn P) phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý"; bị cáo Trương Quang N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý"

2 /Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Duy P (Bùi Văn P) 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/3/2018.

3/ Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm o, s, x khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trương Quang N 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo Trương Quang N được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28/3/2018 đến ngày 06/4/2018.

4/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 500.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng của bị cáo P; tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo N; trả lại cho bị cáo Bùi Văn P 3.575.000 đồng; 01 ví da màu nâu và 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe ô tô đều mang tên Bùi Duy P. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói niêm phong mẫu vật ký hiệu A1, P1, P2 do Cơ quan giám định hoàn lại vì không có giá trị sử dụng.

5/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Duy P phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trương Quang N không phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án, thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án, thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Cơ quan THAHS huyện Yên Lạc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND nơi b/c cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu HS + THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Tuấn